

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 24 - 5 - 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hùng;

Ông Mai Minh Chánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 527/2017/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị C, sinh năm 1993. (Có mặt).

Trú tại: Tổ 07, ấp Mỹ T, xã Mỹ Đ, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Trần Văn Đ, sinh năm 1968. (Vắng mặt).

Trú tại: Tổ 07, ấp Mỹ T, xã Mỹ Đ, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Hồ Thị C trình bày: Chị và anh Đ do mai mối và chung sống với nhau vào năm

2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đ. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ thường uống rượu bê tha không quan tâm vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị và anh Đ đã ly thân từ tháng 12/2006 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin ly hôn với anh Đ.

Con chung: Chị C và anh Đ chung sống được 01 con chung tên Trần Trọng Ng, sinh ngày 26/4/2012, đang ở với chị C. Ly hôn chị C yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Trần Văn Đ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Đ.

Tại phiên tòa, chị C giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ, yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, biên bản xác minh tại địa phương cho biết: Mâu thuẫn giữa chị C và anh Đ thế nào thì địa phương không rõ vì không nhờ địa phương can thiệp. Tại phiên tòa, chị C cho rằng chị và anh Đ chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, anh Đ thường hay uống rượu không quan tâm lo lắng cho vợ con nên vợ chồng đã ly thân gần 02 năm. Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị C yêu cầu ly hôn với anh Đ là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Trọng Ng, sinh ngày 26/4/2012, sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Ng do chị C chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung nên đề nghị giao con chung cho

chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đ thường trú tại ấp Mỹ T, xã Mỹ Đ, huyện CP, tỉnh An Giang. Chị C khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh Đ được Tòa án nhân dân huyện CP tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị C và anh Đức chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đ vào năm 2010, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị C và anh Đ, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng như tại phiên tòa thấy rằng: Chị C và anh Đ chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Đ không quan tâm vợ con. Đồng thời tại phiên tòa, chị C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân gần 02 năm, không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh Đ để tiến hành hòa giải nhưng anh Đ không đến tham dự. Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Trọng Ng, sinh ngày 26/4/2012. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay chị C đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung ổn định. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị C yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Trần Trọng Ng, sinh ngày 26/4/2012 cho chị C được trực tiếp nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị C được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Trần Trọng Ng, sinh ngày 26/4/2012 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị C trực tiếp nuôi con cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Hồ Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017488 ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- UBND xã Mỹ Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Mỹ

